

người Việt Nam ở nước ngoài được thuận lợi, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm tiến hành ngay việc dự toán kinh phí trợ giá làm cơ sở bố trí ngân sách nhà nước năm 2002.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra: Liên Bộ có trách nhiệm phối hợp kiểm tra việc sử dụng kinh phí trợ giá đối với cước vận chuyển ấn phẩm văn hóa, giá vé máy bay của các đoàn nghệ thuật đi biểu diễn phục vụ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm theo quy định hiện hành.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính, Ban Vật giá Chính phủ, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Ngoại giao để nghiên cứu giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thứ trưởng*

TRẦN VĂN TÁ

KT. Trưởng ban Ban Vật giá Chính phủ  
*Phó trưởng ban*

HỒ XUÂN HÙNG

KT. Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin  
*Thứ trưởng*

LƯU TRẦN TIÊU

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao  
*Thứ trưởng*

NGUYỄN ĐÌNH BINH

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**THÔNG TƯ số 12/2001/TT-BLĐTBXH  
ngày 19/12/2001 hướng dẫn về tuổi  
nghỉ hưu của người lao động khai  
thác than trong hầm lò.**

*Thi hành Nghị định số 61/2001/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về việc quy định tuổi nghỉ hưu của người lao động khai thác than trong hầm lò, sau khi trao đổi ý kiến với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và một số cơ quan liên quan, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:*

**I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

**1. Phạm vi áp dụng là các doanh nghiệp khai thác than hầm lò, bao gồm:**

- Doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp nhà nước;
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

**2. Đối tượng áp dụng là người lao động thường xuyên làm nghề, công việc khai thác than trong hầm lò, cụ thể như sau:**

- Khai thác than trong hầm lò;
- Vận tải than, đất, đá trong hầm lò;
- Vận hành máy khoan trong hầm lò;
- Nổ mìn trong hầm lò;
- Đào hầm lò để khai thác than.

096-58638

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com



## II. ĐIỀU KIỆN VÀ CHẾ ĐỘ HƯỞNG

### 1. Điều kiện:

Các đối tượng tại Mục I nêu trên nếu có đủ các điều kiện sau đây thì hưởng chế độ hưu trí:

a) Đủ 50 tuổi;

b) Có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có ít nhất 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò và đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương tương ứng với công việc đó (nếu đóng không liên tục thì được cộng dồn).

### 2. Chế độ hưởng:

a) Mức lương hưu:

Điều 2 Nghị định số 61/2001/NĐ-CP quy định: Mức lương hưu hàng tháng của người lao động làm công việc khai thác than trong hầm lò được tính theo quy định chung tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 và Nghị định số 93/1998/NĐ-CP ngày 12/11/1998 của Chính phủ, cụ thể như sau: Đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liên kế có mức lương cao nhất, sau đó cứ tính thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%, tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liên kế có mức lương cao nhất.

a1) Cách tính lương hưu được thực hiện như sau:

Người có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm (12 tháng) đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2%, tối đa bằng 75% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài lương hưu hàng tháng, người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 30 năm còn được trợ cấp 1 lần, tính như sau:

Từ năm thứ 31 trở đi, mỗi năm (12 tháng) đóng

bảo hiểm xã hội được nhận nửa tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng.

*Ví dụ 1:* Ông Hoàng Đình Q, tính đến tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 28 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò. Lương hưu của ông Q được tính như sau:

15 năm đầu tính bằng 45%

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 28:  $13 \text{ năm} \times 2\%/\text{năm} = 26\%$

Tổng cộng:  $45\% + 26\% = 71\%$ .

Như vậy, lương hưu của ông Q được tính bằng 71% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

*Ví dụ 2:* Ông Lê Hữu X, tính đến tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 32 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò. Lương hưu của ông X được tính như sau:

15 năm đầu tính bằng 45%

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 30:

$15 \text{ năm} \times 2\%/\text{năm} = 30\%$

Tổng cộng:  $45\% + 30\% = 75\%$ .

Từ năm thứ 31 đến năm thứ 32 là 2 năm, ông X được nhận trợ cấp 1 lần bằng 1 tháng tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp này, lương hưu tháng của ông X được tính bằng 75% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

a2) Mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liên kế có mức lương cao nhất được tính theo công thức sau:

Mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội	=	$\frac{\text{Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng liên (5 năm) có mức lương cao nhất}}{60 \text{ tháng}}$
--	---	--



*Ví dụ 3:* Ông Trần Văn Đ, tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 26 năm 10 tháng đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 17 năm làm công việc khai thác than hầm lò, quá trình làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo các mức tiền lương sau:

- Từ tháng 3 năm 1975 đến tháng 12 năm 1999 liên tục làm công việc khai thác than hầm lò và hưởng các mức lương theo từng giai đoạn:

+ Từ tháng 3 năm 1975 đến hết tháng 6 năm 1979 hưởng lương bậc 1 là 50 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 là 352 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 có hệ số là 1,62 (bậc 1 mới);

+ Từ tháng 7 năm 1979 đến hết tháng 6 năm 1984 hưởng lương bậc 2 là 59,6 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 375 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 1,92 (bậc 2 mới);

Từ tháng 7 năm 1984 hưởng lương bậc 3 là 70,9 đồng, đến tháng 9 năm 1985 chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 399 đồng và tiếp tục hưởng đến tháng 6 năm 1988; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 2,28 (bậc 3 mới);

+ Từ tháng 7 năm 1988 đến hết tháng 5 năm 1993 hưởng lương bậc 4 là 432 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 có hệ số là 3,01 (bậc 4 mới);

+ Từ tháng 6 năm 1993 đến hết tháng 6 năm 1996 hưởng lương bậc 5 có hệ số là 3,58;

+ Từ tháng 7 năm 1996 đến hết tháng 12 năm 1999 hưởng lương bậc 6, hệ số 4,24.

- Từ tháng 1 năm 2000 đến hết tháng 12 năm 2001 chuyển sang làm công việc sửa chữa đường mỏ, hưởng lương theo hệ số 3,45 (bậc 7, Nhóm II thang lương A6 xây dựng cơ bản).

Mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liên kế có mức lương cao nhất được tính từ tháng 1 năm 1995 đến hết tháng 12 năm 1999, cụ thể:

- Từ tháng 1 năm 1995 đến hết tháng 6 năm 1996:

18 tháng x (3,58 x 210.000 đồng) = 13.532.400 đồng.

- Từ tháng 7 năm 1996 đến hết tháng 12 năm 1999:

42 tháng x (4,24 x 210.000 đồng) = 37.396.800 đồng.

Mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội	=	$\frac{13.532.400 \text{ đồng} + 37.396.800 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}}$	=	848.820 đồng
--	---	--	---	--------------

*Ví dụ 4:* Ông Phạm Văn N có 24 năm công tác, trong đó có 16 năm làm công nhân khai thác than hầm lò đủ điều kiện nghỉ hưu tháng 4 năm 2002, do nhiều lần phải thay đổi công việc nên mức lương ở từng giai đoạn cao thấp khác nhau:

- Từ tháng 4 năm 1978 đến hết tháng 12 năm 1981 làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương bậc 1 là 50 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 352 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 1,62 (bậc 1 mới);

- Từ tháng 1 năm 1982 đến hết tháng 8 năm 1985 làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương bậc 2 là 59,6 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 375 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 1,92 (bậc 2 mới);

- Từ tháng 9 năm 1985 đến hết tháng 12 năm 1989 làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương bậc 3 là 399 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 2,28 (bậc 3 mới);

- Từ tháng 1 năm 1990 đến hết tháng 12 năm 1992 làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương bậc 4 là 432 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 3,01 (bậc 4 mới);

- Từ tháng 1 năm 1993 đến hết tháng 12 năm 1995 làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương bậc 5 là 462 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 3,58 (bậc 5 mới);

- Từ tháng 1 năm 1996 đến hết tháng 12 năm



1999 chuyển sang làm bảo vệ cơ quan hưởng lương theo hệ số 2,92 (bậc 5, thang lương B.16 Bảng lương công nhân viên trực tiếp sản xuất kinh doanh và phục vụ).

- Từ tháng 1 năm 2000 đến hết tháng 3 năm 2002 trở lại làm công việc khai thác than hầm lò hưởng lương theo hệ số 3,58 (bậc 5).

Như vậy, ông N có 2 giai đoạn hưởng hệ số lương cao nhất là 3,58 (từ tháng 1 năm 1993 đến tháng 12 năm 1995 và từ tháng 1 năm 2000 đến tháng 3 năm 2002) nhưng không được cộng các mức lương ở hai giai đoạn này để tính bình quân tiền lương vì 2 giai đoạn này không liên kế. Trường hợp này, mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liên kế có mức lương cao nhất được tính từ tháng 1 năm 1991 đến hết tháng 12 năm 1995:

- Từ tháng 1 năm 1991 đến tháng 12 năm 1992 tính mức lương theo hệ số 3,01;

- Từ tháng 1 năm 1993 đến tháng 12 năm 1995 tính mức lương theo hệ số 3,58.

Cụ thể như sau:

- Từ tháng 1 năm 1991 đến hết tháng 12 năm 1992:

$$24 \text{ tháng} \times (3,01 \times 210.000 \text{ đồng}) = 15.170.400 \text{ đồng.}$$

- Từ tháng 1 năm 1993 đến hết tháng 12 năm 1995:

$$36 \text{ tháng} \times (3,58 \times 210.000 \text{ đồng}) = 27.064.800 \text{ đồng.}$$

Mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội	=	$\frac{15.170.400 \text{ đồng} + 27.064.800 \text{ đồng}}{60 \text{ tháng}}$	= 703.920 đồng
--	---	--	----------------

(Tiền lương trong các ví dụ nêu trên được tính trên cơ sở mức tiền lương tối thiểu hiện hành quy định tại Nghị định số 77/2000/NĐ-CP ngày 15/12/2000 của Chính phủ).

b) Các chế độ khác như: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, tử tuất hưởng theo Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 06/LĐTBXH-TT ngày 04/4/1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Trường hợp người lao động đủ 50 tuổi nhưng thời gian đóng bảo hiểm xã hội còn thiếu không quá 5 năm, mà vẫn đủ sức khỏe thì tiếp tục làm việc đến khi đủ điều kiện nghỉ hưu, nhưng tối đa không quá 55 tuổi, cụ thể như sau:

a) Đủ 15 năm trở lên làm công việc khai thác than hầm lò nhưng chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, nếu còn đủ sức khỏe thì tiếp tục làm việc và đóng bảo hiểm xã hội cho đến khi đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

*Ví dụ 5* : Tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2002, ông Nguyễn Văn A đủ 50 tuổi, đã đóng bảo hiểm xã hội được 17 năm, trong đó có 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò nhưng vẫn còn đủ sức khỏe thì tiếp tục làm việc và đóng bảo hiểm xã hội thêm 3 năm để đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, sau đó giải quyết chế độ hưu trí.

b) Chưa đủ 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò nhưng có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, nếu còn đủ sức khỏe thì tiếp tục làm công việc khai thác than hầm lò cho đến khi đủ 15 năm để hưởng chế độ hưu trí.

*Ví dụ 6* : Tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2002, ông Hà Văn B đủ 50 tuổi, đã đóng bảo hiểm xã hội được 21 năm, trong đó có 14 năm làm công việc khai thác than hầm lò nhưng vẫn còn đủ sức khỏe thì được tiếp tục làm công việc khai thác than hầm lò và đóng bảo hiểm xã hội thêm 1 năm để đủ 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò, sau đó giải quyết chế độ hưu trí.

c) Chưa đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và chưa đủ 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò, nếu còn đủ sức khỏe thì được tiếp tục làm việc đến khi đủ cả hai điều kiện còn thiếu nêu trên để hưởng chế độ hưu trí.



*Ví dụ 7:* Tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2002, ông Nguyễn Văn C đã đủ 50 tuổi, đã đóng bảo hiểm xã hội được 16 năm, trong đó có 13 năm làm công việc khai thác than hầm lò, nếu còn đủ sức khỏe thì tiếp tục làm việc và đóng bảo hiểm xã hội thêm 4 năm để đủ điều kiện 20 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có ít nhất 2 năm làm công việc khai thác than hầm lò để đủ điều kiện 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò, sau đó giải quyết chế độ hưu trí.

Mức lương hưu và các chế độ bảo hiểm xã hội khác của các trường hợp quy định tại điểm 3 này được tính như điểm 2 Mục II nêu trên.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng công ty Than Việt Nam có trách nhiệm tổ chức phổ biến rộng rãi Nghị định số 61/2001/NĐ-CP ngày 07/9/2001 của Chính phủ và Thông tư này đến người lao động; đồng thời chỉ đạo các đơn vị thành viên lập hồ sơ người đủ điều kiện nghỉ hưu và làm việc với Bảo hiểm xã hội địa phương để giải quyết chế độ hưu trí cho người lao động.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố triển khai thực hiện, tiếp nhận hồ sơ và nhanh chóng giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động đúng quy định. Văn bản hướng dẫn gửi 1 bản về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Liên đoàn lao động và Bảo hiểm xã hội ở địa phương để hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chế độ đối với người lao động theo đúng quy định của Thông tư này.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Không đặt vấn đề tính lại chế độ đối với các đối tượng đã hưởng chế độ hưu trí trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

NGUYỄN THỊ HẰNG

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN  
NÔNG THÔN**

**QUYẾT ĐỊNH số 110/2001/QĐ-BNN**  
ngày 23/11/2001 về việc ban hành  
định mức chi phụ cấp cán bộ và  
phụ cấp hiện trường cho cán  
bộ cấp tỉnh thuộc Dự án bảo vệ  
và phát triển những vùng đất  
ngập nước ven biển miền Nam  
Việt Nam.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;*

*Căn cứ Quyết định số 25/2000/QĐ-TTg ngày 21/2/2000 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án khả thi bảo vệ và phát triển những vùng*